

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		725,023,717,377	992,936,279,167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	11,936,203,042	15,558,653,641
1. Tiền		111		11,936,203,042	15,558,653,641
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán		121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		539,828,293,128	591,676,412,398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.4	164,031,607,183	93,402,822,442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.5	271,102,493,946	361,612,913,871
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		78,462,460,647	79,866,967,860
6. Các khoản phải thu khác		136	V.6	27,597,125,755	58,089,775,363
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137	V.7	(1,365,394,403)	(1,296,067,138)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		128,836,747,534	372,850,647,510
1. Hàng tồn kho		141	V.8	128,836,747,534	372,850,647,510
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		44,422,473,673	12,850,565,618
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	44,422,473,673	12,850,565,618
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1,679,616,102,884	1,447,720,137,765
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	2,105,776,077
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.10	-	2,105,776,077
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		1,312,644,375,051	1,233,474,842,123
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1,306,682,174,602	1,227,187,949,250
	<i>Nguyên giá</i>	222		<i>2,469,162,478,140</i>	<i>2,351,026,629,909</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(1,162,480,303,538)</i>	<i>(1,123,838,680,659)</i>
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5,962,200,449	6,286,892,873
	<i>Nguyên giá</i>	228		<i>14,750,860,332</i>	<i>14,750,860,332</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(8,788,659,883)</i>	<i>(8,463,967,459)</i>
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		149,827,471,796	81,844,391,820
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	149,827,471,796	81,844,391,820
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		184,037,768,618	99,876,753,503
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	60,246,593,886	70,967,611,048
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	141,415,685,074	47,033,790,000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	15,490,700,000	15,490,700,000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(33,115,210,342)	(33,615,347,545)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		33,106,487,419	30,418,374,242
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	30,337,890,923	27,649,777,746
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2,768,596,496	2,768,596,496
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2,404,639,820,261	2,440,656,416,932

C - NỢ PHẢI TRẢ	300		862,656,930,004	960,677,191,126
I. Nợ ngắn hạn	310		716,570,151,719	907,090,400,953
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.29	38,902,127,193	32,450,414,108
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	56,391,606,200	8,900,764,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	12,126,331,840	6,471,593,803
4. Phải trả người lao động	314		12,559,072,416	4,321,698,461
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	23,208,219,259	31,262,942,080
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	10,889,308,342	20,262,762,010
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	538,940,952,614	734,103,709,294
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	23,552,533,855	69,316,517,197
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		146,086,778,285	53,586,790,173
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	337		16,720,591,150	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.26	75,720,000,000	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.27	53,646,187,135	53,586,790,173
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,541,982,890,257	1,479,979,225,806
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,494,962,392,221	1,479,345,917,549
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.28	700,000,000,000	700,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	180,176,411,784	180,176,411,784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.28	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	551,866,229,432	565,360,841,491
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.28	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62,919,751,005	33,808,664,274
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.28	36,914,608,337	20,001,970,576
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26,005,142,668	13,806,693,698

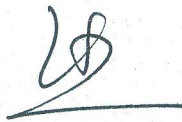
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
11.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		47.020.498.036	633.308.257
1.	Nguồn kinh phí	431	V.29	4.856.423.593	549.973.593
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.30	42.164.074.443	83.334.664
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.404.639.820.261	2.440.656.416.932

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.34	-	19.459.985.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.35	1.594.806.581	1.594.806.581
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.160	894,33
Euro (EUR)		105	104,80

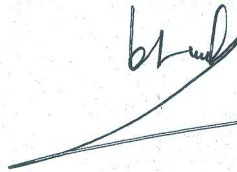
Lập ngày 19 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II - Niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Từ 01/10 đến 31/12		Lũy kế từ 01/07 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	320.682.340.998	493.152.649.861	665.227.241.728	810.462.666.740
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	320.682.340.998	493.152.649.861	665.227.241.728	810.462.666.740
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	270.532.286.743	457.877.985.434	570.263.247.947	730.734.831.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.150.054.255	35.274.664.427	94.963.993.781	79.727.835.124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.159.248.307	91.337.113	4.159.871.287	169.156.472
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.483.145.274	6.601.457.761	22.774.321.018	21.884.184.074
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.762.905.413	5.728.662.976	18.217.046.318	18.963.203.639
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.473.790.490	5.679.442.230	18.843.154.912	10.855.115.354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.431.917.176	9.664.863.117	20.741.104.872	17.461.287.400
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.920.449.622	13.420.238.432	36.765.284.266	29.696.404.768
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.047.765.777	3.974.333.636	1.065.467.262	4.066.498.109
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.543.777.442	2.936.006.970	4.611.386.056	4.026.312.823
13. Lợi nhuận khác	40		(1.496.011.665)	1.038.326.666	(3.545.918.794)	40.185.286
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.424.437.957	14.458.565.098	33.219.365.472	29.736.590.054
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	4.200.582.982	2.639.454.916	7.214.222.804	6.258.661.851
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.223.854.975	11.819.110.182	26.005.142.668	23.477.928.203

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07 đến 31/12

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33,219,365,473	29,736,590,054
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		27,281,796,378	81,683,192,415
- Các khoản dự phòng	03		(560,137,203)	2,543,376,475
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1,189,081,147	(169,156,472)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	18,217,046,318	18,963,203,639
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79,347,152,113	132,757,206,111
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		39,633,925,155	(14,613,126,607)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		246,007,561,683	290,918,750,658
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8,283,094,531	60,099,784,855
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(33,625,435,508)	(15,846,480,562)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(17,303,682,214)	(36,985,360,768)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,757,818,588)	(8,203,114,187)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4,990,750,000	3,827,434,514
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,797,099,978)	(792,654,851)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		320,778,447,194	411,162,439,163
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(111,877,589,486)	(151,599,154,162)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5,671,540,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,076,047,213	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(91,277,782,750)	(6,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4,238,000,000	18,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2,835,811,729	169,156,472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(194,677,053,294)	(139,929,997,690)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		599.066.116.491	365.273.233.038
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(718.508.873.171)	(414.299.468.577)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.281.087.819)	(49.670.802.466)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(129.723.844.499)</i>	<i>(98.697.038.005)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.622.450.599)	172.535.403.468
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	15.558.653.641	38.258.071.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11.936.203.042	210.793.475.252

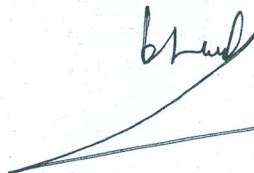
Lập ngày 15 tháng 10 năm 201

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466 NQ/2015/ĐLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hằng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Kỳ kế toán bắt đầu áp dụng lần đầu là từ 01/07/2015 đến 30/06/2016.

Theo đó:

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 tức là Quý II của Năm tài chính sau chuyển đổi.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 - 35
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/07/2015 đến 31/12/2015, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.221.094.140	401.342.012
Tiền gửi ngân hàng	10.715.108.902	15.157.311.629
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u><u>11.936.203.042</u></u>	<u><u>15.558.653.641</u></u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư, cho vay ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u><u>164.031.607.183</u></u>	<u><u>93.402.822.442</u></u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	229.211.889.046	289.322.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	41.890.604.900	72.290.913.817
Cộng	<u><u>271.102.493.946</u></u>	<u><u>361.612.913.871</u></u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự thu lãi cho vay	988.695.337	-
Thuế TNCN	28.767.601	5.493.062
Phải thu BHXH của CBCNV	606.996.103	498.722.813
Phải thu của Công ty CP rượu VN-TĐ	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư tài chính	1.259.998.600	1.162.860.000
Tạm ứng	1.449.893.222	2.293.757.839
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.710.421.148	41.907.229.264
Các khoản phải thu khác	48.293.438	3.717.652.079
Cộng	<u><u>27.597.125.755</u></u>	<u><u>58.089.775.363</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(1.365.394.403)	(1.296.067.138)

8. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	54.672.615.615	28.459.092.252
Công cụ, dụng cụ	997.407.121	573.007.666
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.233.136.521	12.811.508.646
Thành phẩm	27.708.279.547	328.792.880.326
Hàng hóa	2.225.308.730	2.214.158.620
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	128.836.747.534	372.850.647.510

9. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	44.422.473.673	12.850.565.618
Cộng	44.422.473.673	12.850.565.618

10. Phải thu dài hạn khác:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	-	2.105.776.077
Cộng	-	2.105.776.077

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	426.010.359.514	1.842.908.553.955	59.291.721.313	22.282.605.127	533.390.000	2.351.026.629.909
Tăng trong kỳ						
<i>Mua sắm mới</i>		97.910.518.283	937.445.455	265.884.620		99.113.848.358
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	19.021.999.873					19.021.999.873
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	445.032.359.387	1.940.819.072.238	60.229.166.768	22.548.489.747	533.390.000	2.469.162.478.140
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	190.532.159.261	863.126.773.002	49.694.929.338	20.310.421.645	174.397.413	1.123.838.680.659
Tăng trong kỳ						
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	6.804.541.625	30.487.676.118	1.038.506.247	285.714.189	25.184.700	38.641.622.879
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng do phân loại lại</i>						
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	197.336.700.886	893.614.449.120	50.733.435.585	20.596.135.834	199.582.113	1.162.480.303.538
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	235.478.200.253	979.781.780.953	9.596.791.975	1.972.183.482	358.992.587	1.227.187.949.250
Số cuối kỳ	247.695.658.501	1.047.204.623.118	9.495.731.183	1.952.353.913	333.807.887	1.306.682.174.602

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị lợi thế doanh nghiệp	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	5.563.580.614	9.187.279.718		14.750.860.332
Tăng trong kỳ do mua sắm				
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ (phân loại)				
Số cuối kỳ	5.563.580.614	9.187.279.718		14.750.860.332
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	279.704.475	8.184.262.984		8.463.967.459
Tăng trong kỳ do khấu hao	18.646.968	306.045.456		324.692.424
Khấu hao TSCĐ phức lợi				
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	298.351.443	8.490.308.440		8.788.659.883
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.283.876.139	1.003.016.734		6.286.892.873
Số cuối kỳ	5.265.229.171	696.971.278		5.962.200.449

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	-	-
XDCB dở dang	149.827.471.796	81.844.391.820
Dự án khu nhà làm việc, nhà ở CBCNV	21.733.914.349	21.733.914.349
Dự án Trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	91.731.205.196	30.161.090.391
Dự án khác	36.362.352.251	29.949.387.080
Cộng	149.827.471.796	81.844.391.820

14. Đầu tư vào Công ty con

Tên Công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 31/12/2015	
	Theo g.phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	90%	90%	13.950.000	13.950.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	100%	100%		21.396.593.886
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	75%	100%	1.350.000	13.500.000.000
Công ty CP Nông công nghiệp DVTM Vân Sơn	95%	100%	1.140.000	11.400.000.000
Cộng				60.246.593.886

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 31/12/2015	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Du lịch Thanh Hoá	46,31%	46,31%	55.562	10.533.790.000
Công ty CP ĐTVT L.Sơn - N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Tổng Công ty mía đường I – Công ty cổ phần	21,59%	21,59%	9.292.885	94.381.895.074
Công ty CP rượu V.Nam - T.Điền	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
Cộng				141.415.685.074

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		15.490.700.000		15.490.700.000
+ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	231.420	2.314.200.000	231.420	2.314.200.000
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Cổ phiếu MB Land	90.000	900.000.000	90.000	900.000.000
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
Cộng		15.490.700.000		15.490.700.000

17. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(9.189.554.645)	(10.069.270.864)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(23.925.655.697)	(23.546.076.681)
Cộng	(33.115.210.342)	(33.615.347.545)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	KC vào chi phí	
			SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	20.334.780.126		396.229.572	19.938.550.555
Chi phí quy hoạch khu CNC	6.921.816.052	3.729.734.960	786.824.176	9.864.726.836
Chi phí phục vụ làm đất Nông nghiệp		256.847.723		256.847.723
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	393.181.568		115.415.758	277.765.809
Cộng	27.649.777.746	3.986.582.683	1.298.469.506	30.337.890.923

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người trồng mía	1.427.921.825	17.099.936.894
Phải trả nhà cung cấp tại VPCT	36.363.933.145	14.622.590.620
Phải trả Nhà cung cấp tại CNC	876.128.949	305.511.784
Phải trả Nhà cung cấp tại XNCG	178.251.560	-
Phải trả Nhà cung cấp tại Nhà máy Gạch	55.891.714	422.374.810
Cộng	<u>38.902.127.193</u>	<u>32.450.414.108</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	56.391.606.200	8.900.764.000
Cộng	<u>56.391.606.200</u>	<u>8.900.764.000</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.942.987.421	10.620.225.851	9.168.788.965	4.394.424.307
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		12.760.492.142	12.760.492.142	-
Thuế xuất, nhập khẩu		1.275.116.435	1.275.116.435	-
Thuế TNDN	3.307.565.543	8.747.584.237	4.757.818.588	7.297.331.192
Thuế TNCN	-	473.741.503	255.044.321	218.697.182
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	200.821.913	93.656.177	93.656.177	200.821.913
Tiền thuê đất, thuế nhà đất		2.147.407.200	2.147.407.200	-
Thuế khác	20.218.926	650.957.724	656.119.404	15.057.246
Cộng	<u>6.471.593.803</u>	<u>36.769.181.269</u>	<u>31.114.443.232</u>	<u>12.126.331.840</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngon mía giống, sản phẩm rau củ quả	Không chịu thuế
Đường, mật rỉ	5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Quý II	17.089.861.846
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	1.761.435.196
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.761.435.196
- Các khoản điều chỉnh giảm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>
Tổng thu nhập tính thuế	18.851.297.042
Thuế TNDN hiện hành (22%)	4.147.285.349
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-
Thuế TNDN hoãn lại	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.942.576.497

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.145.626.113	1.203.056.258
Cước vận chuyển hàng hóa	3.000.045.454	-
Chi phí thu mua mía	12.803.846.020	5.491.481.462
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	1.496.584.427	-
Chi phí phải trả khác	3.762.117.245	24.568.404.360
Cộng	23.208.219.259	31.262.942.080

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội		1.264.445.075
Kinh phí công đoàn	1.471.531.094	1.646.119.325
Cổ tức phải trả	60.297.867	60.297.868
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	62.000.120	64.012.620
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	189.672.925	111.332.842
Hoàn ứng	280.510.335	163.833.583
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	-	7.720.591.150
Bảo lãnh thực hiện HĐLĐ	-	850.000.000
Các khoản phải trả khác	8.825.296.001	8.382.129.547
Cộng	10.889.308.342	20.262.762.010

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	498.180.952.614	731.123.709.294
Vay dài hạn đến hạn trả	39.780.000.000	2.000.000.000
Cộng	538.940.952.614	734.103.709.294

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay PS trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH	731.123.709.294	485.566.116.491	718.508.873.171	498.180.952.614
Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	980.000.000	-	-	980.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	37.780.000.000	-	39.780.000.000
Cộng	734.103.709.294	523.346.116.491	718.508.873.171	538.940.952.614

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	22.955.863.404	23.063.535.453
Quỹ phúc lợi	596.670.449	2.444.213.864
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	-	43.808.767.880
Cộng	23.552.533.853	69.316.517.197

26. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn	75.720.000.000	-
Cộng	75.720.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền trả /giảm khác	Số cuối kỳ
Vay dài hạn NHTM	-	113.500.000.000	37.780.000.000	75.720.000.000
Cộng	-	113.500.000.000	37.780.000.000	75.720.000.000

27. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.276.411.784	-	-	557.120.085.592	-	31.795.594.927
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm							13.806.693.698
Lợi nhuận năm trước							
Trích lập các quỹ					7.601.400.000		(13.031.000.000)
Chia cổ tức năm nay							
Các khoản khác	-	(100.000.000)	-	-	639.355.899	-	1.237.375.649
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	565.360.841.491	-	33.808.664.274
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	565.360.841.491	-	33.808.664.274
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong kỳ							26.005.142.668
Lợi nhuận năm trước							
Trích lập các quỹ							
Chia cổ tức năm trước							(10.500.000.000)
Chia cổ tức năm nay							
Các khoản khác					(13.494.612.059)		13.605.944.063 ^(*)
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	551.866.229.432	-	62.919.751.005

(*) Nghị quyết số 532NQ/ĐLS - HĐQT ngày 28/08/2015 của HĐQT đã quyết nghị chuyển quỹ dự phòng tài chính về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 13.494.612.059 đồng.

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng thêm sau quyết toán thuế năm 2014 là: 111.332.004 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Cộng	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành BQ trong kỳ	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

29. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	944.173.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	4.596.550.000
Tăng khác (điều chỉnh số chi năm trước)	(684.300.000)
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	<u>4.856.423.593</u>

30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	83.334.664
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-
TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí	42.164.074.443
Khấu hao trong kỳ	(83.334.664)
Số cuối kỳ	<u>42.164.074.443</u>

31. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa nhận giữ hộ	-	19.459.985.000
Cộng	-	<u>19.459.985.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**32. Nợ khó đòi đã xử lý**

Số đầu năm	1.594.806.581
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ	-
Số cuối kỳ	1.594.806.581

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II NĂM TÀI CHÍNH TỪ 01/07/2015 - 30/06/2016**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12		Giai đoạn 01/07 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	320.682.340.998	493.152.649.861	665.227.241.728	810.462.666.740
Doanh thu bán bán hàng	320.562.224.634	492.333.584.934	656.069.120.400	809.098.865.687
Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.116.364	62.072.727	120.116.364	270.054.028
Doanh thu khác		756.992.200	9.038.004.964	1.093.747.025
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	320.682.340.998	493.152.649.861	665.227.241.728	810.462.666.740
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	320.562.224.634	492.333.584.934	656.069.120.400	809.098.865.687
Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.116.364	62.072.727	120.116.364	270.054.028
Doanh thu khác		756.992.200	9.038.004.964	1.093.747.025

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn 01/07 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	270.478.509.023	457.101.662.913	561.657.408.175	729.425.579.966
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.777.720	19.330.321	53.777.720	34.814.274
Giá vốn của hàng bán khác		756.992.200	8.552.062.052	1.274.437.376
Cộng	270.532.286.743	457.696.674.534	570.263.247.947	730.734.831.616

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn 01/07 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	44.122.562	50.008.258	94.983.565	124.682.657
Lãi tiền cho vay	1.779.761.524	22.624.443	3.729.523.501	22.624.443
Cổ tức, lợi nhuận được chia				
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	335.364.221	18.704.412	335.364.221	21.849.372
Cộng	2.159.248.307	91.337.113	4.159.871.287	169.156.472

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn 01/07 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.762.905.413	5.728.662.976	18.217.046.318	18.963.203.639
Lỗ chênh lệch tỷ giá	43.823.690	195.385.425	43.823.690	196.573.425
Lỗ thanh lý đầu tư tài chính	436.036.837		538.757.309	
DP giảm giá các khoản đầu tư tài chính	1.240.379.334	353.503.657	3.974.693.701	2.400.501.307
Chi phí khác				
Cộng	10.483.145.274	6.277.552.058	22.774.321.018	21.560.278.371

5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn 01/07 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.978.630.753	2.300.218.662	3.619.927.042	3.249.516.898
Chi phí vật liệu, bao bì	51.577.266	52.617.481	80.539.903	105.325.651
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.031.902.300	318.773.708	1.077.033.778	413.785.092
Chi phí khấu hao TSCĐ	379.968.343	317.821.896	758.603.353	601.022.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.111.237.736	1.674.403.852	11.894.873.036	5.227.169.059
Chi phí bằng tiền khác	920.474.092	1.015.606.631	1.412.177.800	1.258.295.834
Cộng	11.473.790.490	5.679.442.230	18.843.154.912	10.855.115.354

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.282.259.961	3.201.603.197	5.970.804.747	5.614.906.514
Chi phí vật liệu quản lý	32.636.212	34.067.853	95.545.259	60.427.683
Chi phí đồ dùng văn phòng	167.281.637	185.285.530	245.410.274	306.430.710
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.463.923.110	2.065.743.274	2.760.492.045	3.355.774.025
Thuế, phí và lệ phí	1.175.722.062	661.341.355	2.182.615.878	688.189.034
Chi phí dự phòng, trợ cấp	791.266.500	1.366.479.190	1.337.646.875	1.666.204.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.337.917.216	1.335.723.158	2.612.176.616	2.324.789.014
Quỹ đầu tư phát triển KH		(1.046.587.380)		781.294.910
Chi phí bằng tiền khác	4.180.910.478	1.861.206.940	5.536.413.178	2.663.270.820
Cộng	12.431.917.176	9.664.863.117	20.741.104.872	17.461.287.400

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn 01/07 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản				
Thu từ bán vật tư, phế liệu				
Phạt vi phạm hợp đồng		3.000.000	900.000	13.000.000
Các khoản khác	1.047.765.777	3.971.333.636	1.064.567.262	4.053.498.109
Cộng	1.047.765.777	3.974.333.636	1.065.467.262	4.066.498.109

8. Chi phí khác

	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn 01/07 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý		782.151.493		782.151.493
Phạt do vi phạm hợp đồng, phạt hành chính	39.485.588	38.161.318	427.085.588	38.161.318
Thuế phạt, truy thu			659.647.604	
Các khoản khác	2.504.291.854	2.115.694.159	3.524.652.864	3.206.000.012
Cộng	2.543.777.442	2.936.006.970	4.611.386.056	4.026.312.823

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.223.854.975
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.223.854.975
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	175
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:	
	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	30/06/2015
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		31/12/2015	30/06/2015
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	30,15	40,68
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	69,85	59,32
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35,87	39,36
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	64,13	60,64
Khả năng thanh toán		31/12/2015	30/06/2015
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,79	2,54
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,09
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,02
Tỷ suất sinh lời giai đoạn từ 01/07 đến 31/12:		Năm 2015	Năm 2014
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	4,95	3,65
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	3,88	2,88
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	4,87	3,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	3,91	2,90
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,38	1,09
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,08	0,86
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1,74	1,86

2. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 30/06/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	11.936.203.042		15.558.653.641	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.628.732.938	(1.365.394.403)	153.598.373.882	(1.296.067.138)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị sổ sách kế toán

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 30/06/2015
Các khoản cho vay	78.462.460.647	79.866.967.860
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư dài hạn	15.490.700.000	15.490.700.000
	297.518.096.627	264.514.695.383
	(1.365.394.403)	(1.296.067.138)

Giá trị sổ sách kế toán

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 30/06/2015
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	614.660.952.614	734.103.709.294
Phải trả người bán, phải trả khác	50.010.347.717	52.713.176.118
Chi phí phải trả	23.208.219.259	31.262.942.080
	687.879.519.590	818.079.827.492

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và tương đương tiền	11.936.203.042			11.936.203.042
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.628.732.938			191.628.732.938
Các khoản cho vay	78.462.460.647			78.462.460.647
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	282.027.396.627	15.490.700.000		297.518.096.627
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và tương đương tiền	15.558.653.641			15.558.653.641
Phải thu khách hàng, phải thu khác	151.492.597.805	2.105.776.077		153.598.373.882
Các khoản cho vay	79.866.967.860			79.866.967.860
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	246.918.219.306	17.596.476.077	-	264.514.695.383

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	538.940.952.614	75.720.000.000		614.660.952.614
Phải trả người bán, phải trả khác	50.010.347.717			50.010.347.717
Chi phí phải trả	23.208.219.259			23.208.219.259
	612.159.519.590	75.720.000.000		687.879.519.590
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	734.103.709.294			734.103.709.294
Phải trả người bán, phải trả khác	52.713.176.118			52.713.176.118
Chi phí phải trả	31.262.942.080			31.262.942.080
	818.079.827.492			818.079.827.492

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tính đến thời điểm 31/12/2015, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 320.682.341.250 đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là 312.183.947.867 đồng chiếm tỷ trọng 97,35%; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 2,65%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng chưa đến 3% tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	10.719.779.689	24.106.223.853
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	4.813.767.825	8.401.368.861
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	1.400.359.276	1.449.782.640
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	-	21.137.280.664
Công ty CP cơ giới nông nghiệp Lam Sơn	Công ty con	-	161.138.410
Giao dịch bán hàng			
Giao dịch khác			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	988.695.337	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Người mua trả tiền trước			
Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP	Công ty liên kết	7.012.500.000	-
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	3.697.791.100	-
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	-	4.183.809.524
Công ty CN DV TM Vân Sơn	Công ty con	5.634.788.220	4.004.325.802
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	14.240.190.639	17.940.218.475
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty CPĐT Lam Sơn-Như xuân	Công ty liên kết	44.945.257.176	-
Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP	Công ty liên kết	35.423.440.000	-
Phải trả ngắn hạn người bán			
Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP	Công ty liên kết	13.198.000.000	-
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	-	3.763.494.158
Phải thu khác			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	988.695.337	-
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	-	2.178.930.000
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	-	2.105.776.077
Phải trả khác			
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng-VPCT	Công ty con	12.883.000.443	12.883.000.443
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	11.000.000	-
Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh	Công ty con	60.027.500	-

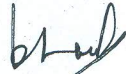
5. Biến động lợi nhuận so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế Quý II kết thúc ngày 31/12/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016) đạt 12.223.854.975 đồng tăng 404.744.793 đồng so với cùng kỳ. Tương đương tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2014.

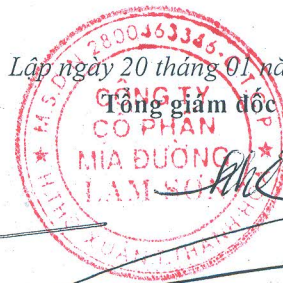
Người lập biểu


Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng


Lê Thị Huệ

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2016

**Lê Văn Phương**